

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13/3/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Anh.
2. Ông Nguyễn Văn Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Linh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ N , sinh năm 1992.

Địa chỉ HKTT: Số 20, đường Lý Thường Kiệt, tổ 9, khu phố 2, thị trấn T , huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; *nơi cư trú:* Tổ 2, thôn 8, xã Đức Tín, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Trần Duy K , sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Số 20, đường Lý Thường Kiệt, tổ 9, khu phố 2, thị trấn T , huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt chị N và anh K (Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện lập ngày 24/12/2019, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, đơn xin xét xử vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ N trình bày: Chị và anh Trần Duy K tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Tín, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K không chung thủy, hiện đã quen người con gái khác, thường xuyên đi qua đêm không về nhà, anh K không quan tâm đến vợ con. Sự việc xảy ra thì chị và gia đình bên chồng có khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh K vẫn không thay đổi. Do tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, chung sống không hạnh phúc nên chị và anh K đã sống ly thân từ ngày 21/01/2020 đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn lại được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K .

Về con chung: Chị và anh K có 01 con chung là Trần Lê Duy Bảo, sinh ngày 04/9/2012. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Cháu Bảo hiện nay đang ở cùng với chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, đơn xin xét xử vắng mặt đều lập ngày 11/02/2020, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Trần Duy K trình bày: Anh và chị Lê Thị Mỹ N kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Tín. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống cùng cha mẹ ruột anh. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, không thấu hiểu và không tin tưởng lẫn nhau. Anh có hơi ham chơi bên ngoài nhưng không bỏ bê vợ con, anh không có ngoại tình như chị N đã trình bày. Do vợ chồng đã không còn tin tưởng nhau nên tình cảm bị phai nhạt, chị N đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 01/2020 đến nay, nay chị N yêu cầu được ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Trần Lê Duy Bảo, sinh ngày 04/9/2012. Anh đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng, cháu Bảo hiện nay đang ở cùng với chị N .

Về tài sản chung, nợ chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn anh Trần Duy K không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên không thể tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ những quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật TTDS. Bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, gây khó khăn cho công tác giải quyết vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Mỹ N và ông Trần Duy K có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân chính dẫn đến việc bà N có đơn khởi kiện ly hôn là do hai người không cùng quan điểm sống, giữa hai người xảy ra tình trạng ly thân. Xét thấy, bà N không còn tình cảm yêu thương đối với ông K, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

Về con chung: Bà N và ông K có 01 con chung tên Trần Lê Duy Bảo, sinh ngày 04/9/2012. Bà N có nguyện vọng được nuôi con, yêu cầu ông K cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng và ông K cũng thống nhất với yêu cầu của bà N, cháu Bảo có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Bảo cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Buộc ông K cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện và thụ lý vụ án: Nguyên đơn làm đơn khởi kiện và Tòa án đã thụ lý vụ án là đúng pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ N và bị đơn anh Trần Duy K đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ N và anh Trần Duy K tự nguyện kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết tại UBND xã Đức Tín. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân là do anh chị không tìm được tiếng nói chung, không có sự tin tưởng và thấu hiểu lẫn nhau. Do cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2020 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh K đã thật sự trầm trọng, chị N yêu cầu ly hôn thì anh K đồng ý, điều này chứng tỏ anh K cũng không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có nguyện vọng muốn Tòa án hòa giải đoàn tụ cho anh chị, vì vậy nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh K khai thống nhất là vợ chồng có 01 con chung tên Trần Lê Duy Bảo, sinh ngày 04/9/2012. Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục con chung, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi và được anh K đồng ý. Thấy rằng, sự thỏa thuận nêu trên là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 4/2020 cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi. Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cháu Bảo hiện đang sống cùng với chị N .

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không tranh chấp nên không cần phải xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Cần buộc chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Buộc anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là đúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ N ly hôn anh Trần Duy K .

2/ Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Mỹ N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Lê Duy Bảo, sinh ngày 04/9/2012. Anh Trần Duy K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 4/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở (Cháu Bảo hiện đang sống cùng với chị N).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Lê Thị Mỹ N có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền anh Trần Duy K phải cấp dưỡng nuôi con nêu trên, thì anh K còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Chị N có quyền yêu cầu thi hành án ngay sau khi xét xử sơ thẩm đối với số tiền anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Anh K có nghĩa vụ phải thi hành ngay số tiền mà Hội đồng xét xử buộc phải cấp dưỡng nuôi con theo đơn yêu cầu thi hành án của chị N .

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh K không tranh chấp nên không cần phải xem xét trong bản án này.

4/ Về án phí: Buộc chị Lê Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003296 ngày 03/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Chị N đã nộp đủ án phí DSST.

Buộc anh Trần Duy K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (13/3/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ,
- Chi cục THA dân sự huyện Đ,
- UBND xã Đức Tín,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Thuận